

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DSST
Ngày 09/01/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản và hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thành và ông Hồ Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy An – Thư ký toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST – DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QDDXXST-DS ngày 11/12/2018, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 230/TB-TA ngày 20/12/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 27/12/2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn HL, xã XC, Thị xã SC, Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1970. Trú tại: Khu phố AT, phường XD, Thị xã SC, Phú Yên. Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1- Ngân hàng TMCP S, Phòng giao dịch SC, Phú Yên. Địa chỉ: Khu phố LH, phường XP, Thị xã SC, Phú Yên. *Người đại diện hợp pháp:* Ông Phù Nguyên Th - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch. Vắng mặt (yêu cầu xét xử vắng mặt).

2- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1993 – Giao dịch viên của Ngân hàng TMCP S, Phòng giao dịch SC, Phú Yên. Vắng mặt (yêu cầu xét xử vắng mặt).

3- Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 1991. Trú tại: Khu phố AT, phường XD, thị xã SC, Phú Yên. Có mặt.

4- Ông Huỳnh L2, sinh năm 1971. Trú tại: Khu phố AN, phường XD, thị xã SC, Phú Yên. Có mặt.

5- Ông Huỳnh Lê T, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn HL, xã XC, Thị xã SC, Phú Yên. Vắng mặt (yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 15/01/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày được tóm tắt như sau:***

Nguyên đơn Nguyễn Thị L1 xác định lại người bị kiện là bà Võ Thị N. Trong đơn khởi kiện, L1 ghi tên người bị kiện Trần Thị N là không đúng nên đính chính lại người bị kiện là bà Võ Thị N.

- Ngày 30/8/2017, Nguyễn Thị L1 bán tôm giống cho bà Võ Thị N với tổng số tiền 184.660.000đ.

Sáng ngày 02/9/2017, vợ chồng bà N, ông Huỳnh L2 đến trại tôm của L1 trả số tiền 84.500.000đ, sau đó trả tiếp 15.000.000đ, còn nợ lại 85.160.000đ, làm tròn thành 85.000.000đ.

- Ngày 04/9/2017, L1 tiếp tục bán tôm giống cho bà N, do con dâu là Nguyễn Thị Xuân Th1 bắt tôm với số tiền 20.900.000đ + nợ cũ 85.000.000đ. Tổng cộng bà N nợ 105.900.000đ.

Sáng ngày 08/9/2017, bà N chuyển trả tiền 50.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Thị L1, số tài khoản 040048337122 tại Ngân hàng NH S SC, do giao dịch viên Nguyễn Thị D nhận tiền nộp vào tài khoản. Sau đó, L1 và bà N có điện thoại chốt nợ là 55.900.000đ.

- Ngày 14/9/2017, bà N tiếp tục mua tôm giống, do chồng L1 là Huỳnh Lê T bán cho bà N với số tiền 62.400.000đ + nợ cũ 55.900.000đ. Tổng cộng bà N nợ L1 số tiền 118.300.000đ.

- Ngày 21/9/2017, bà N tiếp tục mua tôm giống với số tiền 45.570.000đ + nợ cũ 118.300.000đ. Tổng cộng bà N nợ L1 số tiền 163.870.000đ. Cùng ngày, L1 có cho bà N mượn 1.000.000đ. Tổng nợ là 164.870.000đ.

Sáng ngày 22/9/2017, bà N chuyển trả 70.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Thị L1, số tài khoản 040048337122 tại Ngân hàng NH S SC, do giao dịch viên Nguyễn Thị D nhận tiền nộp vào tài khoản.

Như vậy, tính đến thời điểm ngày 22/9/2017, tổng cộng bà N còn nợ L1 số tiền 94.870.000đ.

Số tiền 50.000.000đ nộp vào tài khoản của Nguyễn Thị L1, số tài khoản 040048337122 tại Ngân hàng NH S SC vào ngày 27/9/2017 là do L1 trực tiếp nộp tiền vào tài khoản để giảm nợ gốc ngân hàng.

Tất cả các lần giao dịch tại ngân hàng nêu trên, gồm 02 lần bà N chuyển tiền là ngày 08/9/2017 (50.000.000đ), ngày 22/9/2017 (70.000.000đ) và L1 nộp tiền 01 lần vào ngày 27/9/2017 (50.000.000đ), L1 đều không ký vào giấy nộp tiền. Theo L1, cả 03 giấy nộp tiền nêu trên đều do giao dịch viên Nguyễn Thị D ký vào phần người nộp tiền.

Như vậy, bà Võ Thị N còn nợ L1 số tiền 94.870.000đ. Do đó, nguyên đơn Nguyễn Thị L1 khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N trả đủ số tiền 94.870.000đ.

*** Bị đơn là bà Võ Thị N trình bày:** Bà N có mua tôm giống của Nguyễn Thị L1. Quá trình mua bán, bà N thường không trả tiền ngay mà chốt sổ hai bên để trả tiền sau. Khi mua bán, bà N có đi cùng con dâu Nguyễn Thị Xuân Th1. Đến ngày 04/9/2017, bà N còn nợ bà L1 tổng số tiền 55.680.000đ. Số tiền 55.900.000đ L1 chốt sổ là chưa đúng vì quá trình mua bán vào ngày 04/9/2017, L1 giao tôm có chết 10 con, bà N có gọi điện thông báo cho L1 và trừ số tiền 10 con x 22.000đ/con = 220.000đ. Nay L1 không đồng ý trừ 10 con tôm chết thì bà N đồng ý trả luôn. Như vậy, tính đến ngày 04/9/2017, chốt sổ bà N còn nợ lại L1 số tiền 55.900.000đ.

Khi L1 đi vắng, bà N và Th1 có đến gặp ông Huỳnh Lê T là chồng L1 để mua tôm giống. Mua số tôm, số tiền đúng như sổ L1 ghi. Đó là vào ngày 14/9/2017 mua tôm giống với số tiền 24.805.000đ. Ngày 15/9/2017 mua tôm giống với số tiền 37.600.000đ. Tổng cộng là 62.405.000đ.

Ngày 21/9/2017, bà N mua tôm giống với số tiền 45.570.000đ. Cộng với số nợ cũ 55.900.000đ và 52.405.000đ và số tiền 1.000.000đ mượn L1 từ trước là 164.875.000đ.

Ngày 22/9/2017 (ngày 03/8/2017 âm lịch), bà N và Th1 đến Ngân hàng NH S SC chuyển cho L1 số tiền 70.000.000đ. L1 dẫn bà N đến Ngân hàng và gặp nữ giao dịch viên tên D và nói gửi tiền cho L1. Vì quen biết L1 thường xuyên giao dịch ở Ngân hàng nên cô D cầm tiền bà N gửi thẳng vào tài khoản của L1 mà không xuất chứng từ nhận tiền đưa cho bà N, chỉ nói vậy là đã xong rồi. Sau đó bà N gọi điện thoại cho L1 xác nhận hai bên đồng ý là đã nhận tiền xong. Lần chuyển tiền này L1 cũng thừa nhận là có.

Sau đó 05 ngày, vào ngày chợ phiên 08/8/2017 âm lịch tức nhằm ngày 27/9/2017, khi bà N và Th1 đang đi ngoài đường thì L1 gọi đòi tiền nên mẹ con bà N cũng đến Ngân hàng NH S SC chuyển cho L1 số tiền 50.000.000đ vào buổi sáng, trong đó có số tiền 40.000.000đ với mệnh giá 500.000đ. Trình tự cũng như lần trước bà N không nhận được biên lai chuyển tiền. Bà N tin tưởng cũng như lần trước nên ra về mà không thắc mắc gì. Tổng cộng bà N chuyển cho L1 số tiền 120.000.000đ hai lần nêu trên mà không có lấy chứng từ nhận tiền cũng không biết ai làm chứng, chỉ biết hai lần đều gặp và giao tiền cho cô giao dịch viên tên D mà thôi.

L1 nói bà N có chuyển tiền qua ngân hàng một lần khác vào ngày 08/9/2018 là không đúng. Ngày 08/9/2018 (tức là ngày 18/7/2017 âm lịch) bà N

và chồng Huỳnh L2 có trả số tiền 50.000.000đ cho L1 tại nơi mua bán tôm. Việc này chỉ có L1 và bà N biết mà không có ai chứng kiến, cũng không lập văn bản, chứng từ gì. Vì bà N là người không biết chữ nên tất cả việc mua bán đều do con dâu Nguyễn Thị Xuân Th1 ghi sổ. Bà N khẳng định chỉ còn nợ L1 44.870.000đ và chỉ đồng ý trả 44.870.000đ, không đồng ý trả 94.870.000đ theo yêu cầu của Nguyễn Thị L1.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày:** Thống nhất như nội dung trình bày của bà Võ Thị N. Đối với số tiền 50.000.000đ trả vào ngày 08/9/2018 (tức là ngày 18/7/2017 âm lịch) là trả trực tiếp cho L1, L1 nói giao dịch qua tài khoản ngân hàng là nhằm lẫn và chị Nguyễn Thị D, giao dịch viên ngân hàng NH S chi nhánh SC có gọi điện thoại xác định L1 không có giao dịch qua tài khoản ngân hàng vào ngày 08/9/2017.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh L2 trình bày:** Việc mua bán tôm giữa bà Võ Thị N với Nguyễn Thị L1 ông L2 cũng có biết nhưng nội dung mua bán, trả tiền cụ thể như thế nào là do bà N thực hiện với L1. Ông L2 thừa nhận nghĩa vụ về tài sản phát sinh từ giao dịch nêu trên là nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Ông L2 chỉ có một lần chở vợ (bà N) đến trại tôm của L1 trả tiền 50.000.000đ trực tiếp cho L1; thời gian cụ thể Ông không nhớ chính xác nhưng Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị N.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Lê T trình bày:** Việc mua bán tôm giữa Nguyễn Thị L1 (vợ ông Tuấn) với bà Võ Thị N là hoạt động kinh doanh của L1. Trong thời gian L1 đi vắng không có nhà, ông Tuấn có thay mặt L1 bán tôm giống một lần cho bà N vào ngày 14/9/2017 với số tiền 24.800.000đ và 37.600.000đ. Tổng cộng 62.400.000đ. Ngoài lần trên, ông Tuấn không bán tôm cho bà N lần nào khác.

Việc bán tôm cho bà N nêu trên là ông T bán dùm cho L1; không có thu tiền của bà N; việc thanh toán tiền mua bán tôm giữa L1 với bà N, ông T không liên quan. Do đó, nội dung tranh chấp trong việc mua bán, thanh toán tiền mua bán tôm là giữa Nguyễn Thị L1 với bà Võ Thị N, không liên quan đến ông T, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng S Chi nhánh SC và bà Nguyễn Thị D trình bày:** Không liên quan đến việc tranh chấp giữa các bên, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu quan điểm:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị L1 là có căn cứ và phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của bị đơn Võ Thị N và người liên quan Nguyễn Thị Xuân Th1 là không có căn cứ và không phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ

án. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ các điều 430, 440 của BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Võ Thị N phải trả cho Nguyễn Thị L1 số tiền 94.870.000đ; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản được điều chỉnh bởi Điều 430 và hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh bởi điều 463 của Bộ luật dân sự, là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền của TAND cấp huyện và lãnh thổ về nơi cư trú của bị đơn.

[2] TAND thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng những người liên quan Huỳnh Lê T, Nguyễn Thị D, Ngân hàng TMCP S – Phòng Giao dịch SC có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện hợp đồng mua bán tài sản: Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất tình tiết mua tài sản về số lần mua bán, giá cả mua bán và tổng số tài sản mua bán, đủ cơ sở xác định: Từ ngày 30/8/2017 đến ngày 21/9/2017, Nguyễn Thị L1 và Võ Thị N có giao dịch mua bán tôm giống, theo đó, L1 đã bán cho bà N tổng số tôm giống như sau:

[4] + Lần 1 (ngày 30/8/2017) số tiền 184.660.000đ.

[5] + Lần 2 (ngày 04/9/2017) số tiền 20.900.000đ.

[6] + Lần 3 (14/9/2017) số tiền 62.400.000đ.

[7] + Lần 4 (ngày 21/9/2017) số tiền 45.570.000đ.

[8] Như vậy, tổng số tiền 4 lần mua bán tôm là 313.530.000đ.

[9] Về việc trả tiền mua bán tài sản thì hai bên có tranh chấp. Theo L1 trình bày: Bà N đã trả số tiền: 99.660.000đ vào ngày 02/9/2017 (trực tiếp bằng tiền mặt); 50.000.000đ vào ngày 08/9/2017 và 70.000.000đ vào ngày 22/9/2017 thông qua tài khoản 040048337122 của Nguyễn Thị L1 tại Ngân hàng NH S Sông Cầu. Bà N còn nợ L1 số tiền 93.870.000đ.

[10] Theo bà N trình bày: Tính đến ngày 22/9/2017, bà N còn nợ L1 tiền mua bán tài sản là 93.870.000đ; ngày 27/9/2017 trả cho L1 50.000.000đ thông qua tài khoản 040048337122 của Nguyễn Thị L1 tại Ngân hàng NH S SC nên chỉ còn nợ lại số tiền 43.870.000đ.

[11] Căn cứ vào sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn từ ngày 01/9/2017 đến ngày 30/9/2017 của khách hàng Nguyễn Thị L1 (tài liệu do NH S SC cung cấp, bút lục 14-16) thể hiện: Trong tháng 9/2017, tài khoản số 040048337122 của Nguyễn Thị L1 tại Ngân hàng NH S SC có 59 lần giao dịch. Trong đó có các lần nộp tiền vào tài khoản vào ngày 08/9/2017 là 50.000.000đ; ngày 22/9/2017 là 70.000.000đ; ngày 27/9/2017 là 50.000.000đ. Cả 03 lần giao dịch nêu trên đều thể hiện người nộp tiền vào tài khoản là Nguyễn Thị L1. Bà N cho rằng lần nộp tiền 50.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Thị L1 ngày 27/9/2017 là do Bà nộp vào buổi sáng, trong đó có nộp 40.000.000đ bằng mệnh giá 500.000đ là không đúng, thực tế giao dịch được thực hiện lúc 16 giờ 31 phút (bút lục 14), đồng thời bảng kê tiền nộp không có mệnh giá 500.000đ (bút lục 56). Mặt khác, theo bà N và Th1 khẳng định vào ngày 08/9/2017, tài khoản của L1 tại Ngân hàng NH S SC không có giao dịch là không đúng. Do đó, lời trình bày của bà N cho rằng đã chuyển trả cho L1 50.000.000đ vào ngày 27/9/2017 vào buổi sáng với mệnh giá tiền nộp 500.000đ (40.000.000đ) là không có căn cứ; L1 không thừa nhận và không có chứng cứ nào khác để xác định ngày 27/9/2017 bà N nộp tiền 50.000.000đ vào tài khoản của L1. Do đó, tính đến ngày 27/9/2017, bà N vẫn còn nợ Nguyễn Thị L1 số tiền mua bán tài sản là 93.870.000đ, tính đến nay vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 của BLDS. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch mua bán tôm của bà N là hoạt động kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng bà N, ông L2 theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị L1, buộc vợ chồng Võ Thị N, Huỳnh L2 phải trả cho Nguyễn Thị L1 số tiền 93.870.000đ về khoản nợ hợp đồng mua bán tài sản.

[12] Về hợp đồng vay tài sản: Cả L1 và bà N đều thống nhất trong quá trình mua bán tài sản, bà N có mượn L1 1.000.000đ, đến nay vẫn chưa trả. Việc vay tiền này cũng liên quan đến hoạt động kinh tế đáp ứng nhu cầu của gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của L1, buộc vợ chồng bà N, ông L2 phải trả cho L1 số tiền 1.000.000đ về khoản hợp đồng vay tài sản.

[13] Đối với người liên quan Huỳnh Lê T, Nguyễn Thị Xuân Th1 có biết và tham gia giao dịch mua bán tài sản giữa L1 và bà N nhưng đều xác nhận tham gia với tư cách là người chứng kiến. Do đó, không liên quan đến quyền và nghĩa vụ phát sinh trong quan hệ giao dịch giữa L1 và bà N.

[14] Đối với Nguyễn Thị D và Ngân hàng S – Phòng giao dịch SC có thực hiện giao dịch tín dụng cho khách hàng Nguyễn Thị L1 trong tháng 9/2017 nhưng không tham gia vào quan hệ mua bán tài sản và vay tài sản giữa L1 và bà N nên không liên quan đến quyền và nghĩa vụ về tài sản phát sinh từ các quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên.

[15] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên bên có nghĩa vụ về tài sản phải thi hành là vợ chồng bà Võ Thị N, ông Huỳnh L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị còn phải thi hành tương ứng số tiền: 93.870.000đ

x 5% = 4.693.500đ về tranh chấp tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và 300.000đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tổng cộng phải nộp 4.993.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyễn Thị L1 tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000đ có tại biên lai thu tiền số 6375 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các điều 430, 440, 463, 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L1, buộc vợ chồng bà Võ Thị N, ông Huỳnh L2 phải trả cho Nguyễn Thị L1 số tiền 93.870.000đ (Chín mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) về khoản nợ hợp đồng mua bán tài sản và 1.000.000đ (Một triệu đồng) về khoản nợ hợp đồng vay tài sản.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Bà Võ Thị N và ông Huỳnh L2 phải nộp 4.993.500đ (Bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) có tại biên lai thu tiền số 6375 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã Sông Cầu;
- Chi cục thi hành án Thị xã Sông Cầu;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thơ Hiền